| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN KHOÁI CHÂU**<br>**TỈNH HƯNG YÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>Độc lập - Tự do - H phúc |

Bản án số: 08/2022/HNGĐ -ST
Ngày: 27/01/2022
*"V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Đào Duy Tr.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Quang T.

2. Bà Lê Thị O

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị L - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 27/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 228/2021/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 04/2022/QĐXX - ST, ngày 07/01/2022, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: chị Phạm Thị H- sinh năm: 1983 (vắng mặt).

Quê quán, trú tại: Thôn Lãnh Điển xã ĐT huyện Khoái Châu tỉnh Hưng Yên.

HKTT: Thôn MK xã ĐT huyện Khoái Châu tỉnh Hưng Yên.

2. **Bị đơn**: Anh Phạm Năng C- sinh năm: 1976 (vắng mặt).

HKTT, trú tại: Thôn MK, xã ĐT, huyện Khoái Châu tỉnh Hưng Yên.

**3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1.3 Cháu Phạm Năng Q Đ, sinh ngày 30/9/2005.

2.3 Cháu Phạm Thị D, sinh ngày 01/10/2014.

Người giám hộ cho cháu Đ và cháu D: chị Phạm Thị H và anh Phạm Năng C(Bố, mẹ đẻ các cháu).

Đều có HKTT: Thôn MK xã ĐT huyện Khoái Châu tỉnh Hưng Yên.

4. **Người làm chứng**:

1.4 Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1954. (vắng mặt).

Trú tại: thôn MK xã ĐT huyện Khoái Châu tỉnh Hưng Yên.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày*: Chị kết hôn với anh Phạm Năng C, sinh năm 1976, quê quán và trú tại thôn MK, xã ĐT, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên trên cơ sở tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, anh, chị đã được UBND xã ĐT đăng ký kết hôn ngày 09/02/2002.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống tại thôn MK, xã ĐT. Quá trình chung sống vợ chồng H phúc bình thường đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C rượu chè, cục tính, thường xuyên chửi bới, đánh đập chị, vì thương con nên chị nhẫn nhịn chịu đựng và khuyên bảo anh C nhưng anh C vẫn không thay đổi, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi vã, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Đến khoảng năm 2018, mâu thuẫn vợ chồng trở lên trầm trọng nên chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn LĐ, xã ĐT sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, anh C có đến nhà bố mẹ đẻ chị tìm gặp để mong vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị không nhất trí nên anh C đã chửi bới và đánh đập chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh C.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung cháu Phạm Năng Q Đ, sinh ngày 30/9/2005 và cháu Phạm Thị D, sinh ngày 01/10/2014, hiện cả hai cháu đang sinh sống cùng chị. Nếu ly hôn, chị xin tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu D, còn để anh C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ. Việc đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp chung với hai bên gia đình, về đất nông nghiệp 03 của hai vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

Do công việc và tình hình dịch bệnh chị đề nghị và có đơn xin được vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/01/2022, người làm chứng là bà Nguyễn Thị N trình bày*: Bà là mẹ của anh Phạm Năng C, năm 2002, gia đình bà tổ chức cho anh Phạm Năng C kết hôn cùng chị Phạm Thị H trên cơ sở tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện và anh, chị đã được đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐT.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh, chị chung sống tại thôn MK xã ĐT, cuộc sống vợ chồng diễn ra được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, nguyên nhân xuất phát từ cả hai vợ chồng, chị H nhiều lời, còn anh C hay uống rượu và chửi bới, đánh đập vợ con. Từ năm 2018 chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn LĐ xã ĐT sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, bà và anh C có gọi động viên chị H quay về đoàn tụ nhưng không có kết quả, thậm chí khi anh C đến nhà mẹ vợ tìm chị H, anh C còn đánh cả chị H, gia đình khuyên bảo anh C nhưng anh C không thay đổi. Việc chị H xin ly hôn với anh C, gia đình bà và anh C đều biết, quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, anh C nhận được thông báo và giấy triệu tập của Tòa án yêu cầu anh C đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với chị H, bản thân chị H cũng có gọi điện thông báo cho anh C biết, nhưng anh C có quan điểm xin đoàn tụ nên không đến, nhưng nếu chị H cương quyết xin ly hôn anh cũng nhất trí

Về con chung: Bà đề nghị tạo điều kiện để cho anh C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ.

Về tài sản chung, công nợ chung và về đất nông nghiệp 03 của hai vợ chồng và về công sức đóng góp chung với hai bên gia đình: Không có gì liên quan, quá trình chung sống cùng gia đình bà, vợ chồng anh C không đóng góp gì.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/10/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cháu Phạm Năng Q Đ trình bày*: Cháu là con của bố Phạm Năng C và mẹ Phạm Thị H. Bố mẹ cháu sinh được hai anh em, cháu và em Phạm Thị D, hiện cả hai anh, em đang ở với mẹ tại thôn Lãnh Điển xã ĐT.

Quá trình chung sống, cháu có chứng kiến bố mẹ cháu cãi nhau, nguyên nhân là do bố cháu hay uống rượu và nóng tính, hiện nay bố mẹ cháu đã ly thân, mỗi người ở một nơi. Nếu bố, mẹ cháu ly hôn, để giảm gánh nặng cho mẹ, cháu mong muốn được ở cùng với bố cháu.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/10/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cháu Phạm Thị D trình bày*: Cháu là con của bố Phạm Năng C và mẹ Phạm Thị H. Bố

mẹ cháu sinh được hai anh em, cháu và anh Phạm Năng Q Đ, hiện cả hai anh, em đang ở với mẹ tại thôn LĐ xã ĐT.

Quá trình chung sống, cháu còn nhỏ nên không biết nguyên nhân mâu thuẫn nhưng hiện bố mẹ cháu đang sống ly thân. Nếu bố mẹ cháu ly hôn, cháu xin được ở cùng với mẹ vì từ trước đến nay cháu thường xuyên ở cùng mẹ.

Qua xác minh tại UBND xã ĐT ngày 16/11/2021 xác định: Chị Phạm Thị H kết hôn cùng anh Phạm Năng C trên cơ sở tự do tìm hiểu, anh chị đã đăng ký kết hôn ngày 09/02/2002. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hiện vợ chồng sống ly thân, hiện anh C có hộ khẩu thường trú và trú tại thôn MK xã ĐT. Anh chị có hai con chung là cháu Phạm Năng Q Đ, sinh ngày 30/9/2005 và cháu Phạm Thị D, sinh ngày 01/10/2014, hiện cả hai đang sống cùng chị H.

Về tài sản, công nợ, đất ruộng nông nghiệp của vợ chồng chị H, anh C: chính quyền địa phương không nắm được.

Quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Mặc dù Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu đã nhiều lần báo triệu tập và thông báo đến tham gia giải quyết vụ án và đã hai lần thông báo và báo triệu tập anh C đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng anh C vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Nên vụ án được đưa ra xét xử vắng mặt anh C theo quy định của pháp luật.

*Tại phiên tòa hôm nay*:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, người làm chứng đã tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn vắng mặt không tuân theo quy định của pháp luật.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 144; khoản 4 Điều 147, Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung, giao cháu Phạm Năng Q Đ, sinh ngày 30/9/2005 cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Phạm Thị D, sinh ngày 01/10/2014 cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết; sau khi ly hôn chị H, anh C được quyền thăm nom và quyền xin thay đổi nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung; công nợ chung của vợ chồng; đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của anh, chị đối với hai bên gia đình: Không đặt ra giải quyết. Về án phí, chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định*:

1. *Về thủ tục tố tụng*: Ngày 15/10/2021, chị Phạm Thị H có đơn khởi kiện anh Phạm Năng C xin được ly hôn và giải quyết về con chung cũng như các vấn đề có liên quan. Anh Phạm Năng C có hộ khẩu thường trú và trú tại thôn MK xã ĐT huyện Khoái Châu tỉnh Hưng Yên. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28; Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Vì vậy, căn cứ điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phạm Thị H và anh Phạm Năng C kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, anh, chị đã được UBND xã ĐT huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên đăng ký kết hôn vào ngày 09/02/2002. Do đó đã xác lập quan hệ vợ chồng hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng không H phúc, vợ chồng đã sống ly thân. Quá trình giải quyết chị H cương quyết xin ly hôn. Tòa án nhiều lần triệu tập nhưng anh C không đến, không tham gia hòa giải và không thể hiện thiện trí vợ chồng đoàn tụ, bản thân bà Ninh là mẹ đẻ anh C thừa nhận vợ chồng anh chị có sảy ra mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng đã ly thân từ năm 2018. Xét thấy cuộc sống, hạnh phúc gia đình anh, chị đang ở trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không Đ được, nên căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cho chị H được ly hôn với anh C để cả hai sớm tạo lập cuộc sống mới.

3. *Về nuôi con chung*: Vợ chồng anh, chị có hai con chung là cháu Phạm Năng Q Đ, sinh ngày 30/9/2005 và cháu Phạm Thị D, sinh ngày 01/10/2014, hiện nay các cháu đang ở cùng chị H. Quá trình giải quyết, chị H xin được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D, còn để anh C trực tiếp chăm sóc cháu Đ, cháu Đ có nguyện vọng ở cùng anh C và cháu D xin được ở cùng chị H, mặc dù anh C không tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết, chưa có quan điểm trình bày nhưng qua xác minh, cũng như lời khai của bà N là mẹ đẻ anh C, hiện anh C vẫn đang sinh sống cùng gia đình bà N tại thôn MK xã ĐT. Nguyện vọng xin được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D và để cháu Đ cho anh C trực tiếp chăm sóc của chị H là hoàn toàn chính đáng, vì nếu giao cả hai cháu cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ gây khó khăn cho chị H và làm ảnh hưởng đến quá trình học tập, phát triển của các cháu, xét điều kiện của cả hai anh chị đều có đủ điều kiện nuôi con, vì vậy, nên để cả anh và chị đều được trực tiếp thực hiện quyền và nghĩa vụ chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Để đảm bảo quyền lợi cũng như việc thực hiện chăm sóc các cháu nên giao cháu D cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Đ cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, như nguyện vọng của chị H, cháu Đ, cháu D, ý kiến của bà Ninh và quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ. Do chị H không yêu cầu việc đóng góp nuôi con chung và anh C chưa có quan điểm trình bày nên không đặt ra xem xét giải quyết. Khi nào anh, chị có yêu cầu việc đóng góp nuôi con chung sẽ làm đơn khởi kiện để xem xét giải quyết trong vụ án dân sự khác. Sau khi ly hôn chị H, anh C có quyền xin thay đổi nuôi con; quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

4. *Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình*: Chị H không yêu cầu đặt ra xem xét giải quyết, anh C vắng mặt, chưa có ý kiến và yêu cầu phân chia nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này. Khi nào anh, chị có yêu cầu phân chia sẽ làm đơn khởi kiện để xem xét giải quyết trong vụ án dân sự khác.

5. *Về án phí*: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 147 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức nộp án phí, lệ phí Tòa án.

6. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

***Vì các lẽ trên;***

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39**;** Điều 144; khoản 4 Điều 147, Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Toà án. Xử:

*1. Về hôn nhân*: Cho chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Phạm Năng C.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cháu Phạm Năng Q Đ, sinh ngày 30/9/2005 cho anh Phạm Năng C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục; giao cháu Phạm Thị D, sinh ngày 01/10/2014 cho chị Phạm Thị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết. Khi nào anh, chị có yêu cầu việc đóng góp nuôi con chung sẽ làm đơn khởi kiện để xem xét giải quyết trong vụ án dân sự khác.

Chị Phạm Thị H và anh Phạm Năng C có quyền xin thay đổi nuôi con; quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình*: Không đặt ra giải quyết. Khi nào anh, chị có yêu cầu phân chia sẽ làm đơn khởi kiện để xem xét giải quyết trong vụ án dân sự khác.

4. *Về án phí*: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo Biên lai số 0007541 ngày 18/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Khoái Châu. Chị H đã thi hành xong phần án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*Nơi nhận:*
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Khoái Châu;
- Các đương sự;
- UBND xã ĐT;
- Chi cục THADS huyện KC;
- Lưu: Hồ sơ, Vp.

***Đào Duy Tr***